TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/HS-ST
Ngày 29 tháng 10 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG - TỈNH VĨNH PHÚC

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thái Hoà

Bà Lê Thị Tôn Thiết

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 59/2019/HSST ngày 16 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T sinh ngày 20 tháng 7 năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H - xã K - huyện V - tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; vợ con chưa có; tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 29/01/2019 Nguyễn Văn T bị Công an huyện T ra Quyết định xử phạt hành chính số 46/QĐ-XPHC về hành vi "Trộm cắp tài sản" với số tiền 1.100.000đ, tại Công ty TNHHSYVINA trụ sở ở thôn Bắc 2, xã H, huyện T ngày 01/02/2019 T đã nộp đủ tiền phạt. Bị cáo tại ngoại (có mặt)

Người bị hại: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Vũ Xuân H, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Bắc 2, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

Anh Đào Văn S, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Đ, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957 (mẹ bị cáo T có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T trú tại thôn H, xã K, huyện V biết ông Hoàng Văn T (hàng xóm với T) có 01 con bò cái lông màu vàng cánh dán, hàng ngày vào buổi sáng ông T thường dắt bò lên dệ đê trung ương thuộc thôn Hoàng Trung thả cho ăn cỏ rồi đi về không ai trông giữ, nên sáng ngày 12/6/2019 T đang ở nhà thì nảy sinh ý định trộm cắp con bò của ông T mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau đó, T đi bộ từ nhà ra dệ đê trung ương thấy con bò của ông T đang thả ở đây không có ai trông giữ, lúc này do T chưa chuẩn bị được phương tiện để chở bò nên T không trộm cắp con bò ngay mà đi về nhà. Đến chiều cùng ngày T dùng điện thoại có sim thuê bao 0355.610.617 của T gọi điện vào số thuê bao 0372.159.909 của anh Vũ Xuân H (bạn của T), trú tại thôn Bắc 2 xã H, huyện T bảo H cho số điện thoại của người chở xe lôi. Sau đó, H cho T số điện thoại 0962.890.959 của anh Đào Văn S (người chở xe lôi) trú tại xóm Đ, xã H, huyện T. Sáng ngày 13/6/2019, T đi bộ ra đê trung ương vẫn thấy con bò của ông T đang thả ăn cỏ ở dệ đê, T gọi điện vào số thuê bao 0962.890.959 của anh S giới thiệu mình là người ở xã A, huyện T, T bảo anh S đến Điếm Canh đê đầu tiên từ xã H đi xã K để chở bò thuê cho T, anh S đồng ý. Nhưng sau đó do có nhiều người qua lại trên đê, nên T gọi điện cho anh S nói dối nhà có việc bận và bảo anh S không phải đến nữa rồi T đi về nhà. Đến khoảng 06 giờ ngày 14/6/2019 T cầm theo 01 con dao dựa chiều dài 38cm đi bộ từ nhà ra đê Trung ương thuộc địa phận thôn H. T quan sát thấy tại khu vực dệ đê bên trái theo hướng từ xã K đi xã H, huyện T có con bò cái, lông màu vàng, của ông T đang buộc vào chiếc cọc bằng sắt cắm dưới đất bằng một đoạn chạc sấn mũi không có ai trông giữ. T nảy sinh ý định trộm cắp con bò này của ông T, sau T gọi điện cho anh S bảo anh S đi đến Điếm Canh đê trung ương đang xây dựng ở xã K để chở bò thuê cho T anh

S đồng ý. Sau T đi đến vị trí con bò dùng dao cắt dây chạc buộc bò, dùng tay nhổ cọc vứt ra mép ngoài dệ đê sau T cầm con dao dựa ở tay phải, tay trái cầm vào chạc rồi dắt con bò đi dọc theo dệ đê bên trái hướng xã K đi huyện T. Khi đi đến chân dốc đê xuống cánh đồng Vải thuộc thôn Hoàng Trung, xã K thì T buộc con bò vào chiếc cọc bê tông ở chân dốc đê và đứng núp vào trong dãy tre. Một lúc sau, anh S gọi điện cho T bảo dắt bò ra lúc này, T quan sát thấy có nhiều người đi lại ở dốc đê nên T bảo anh S đứng đợi. Được một lúc, anh S tiếp tục gọi điện giục T thì T nói dối anh S là có việc bận, nên nhờ anh chặt sào bắt chim ở dệ đê vì T sợ anh S biết T là người trực tiếp bán bò. Sau T chặt 02 chiếc sào tre để đóng giả là người thanh niên bắt chim rồi đi đến vị trí anh S đứng đợi, anh S hỏi T có phải là người được người ở xã A nhờ dắt hộ bò không T bảo đúng. T quan sát xung quanh thấy không có ai nên đi xuống dắt con bò trộm cắp được của ông T lên đưa cho anh S, anh S dắt con bò lên tH xe và chở đến xã A, huyện T còn T đi về nhà. Khoảng 15 phút sau, anh S gọi điện cho T bảo đã chở đến nhà máy Z72 ở xã A và bảo T ra nhận bò. Do T sợ đi theo bị lộ nên T bảo anh S, hiện T đang đi vắng không ở nhà nên nhờ anh chở về nhà anh S thì anh S đồng ý. Đến khoảng 15 giờ ngày 14/6/2019 anh S gọi điện cho T bảo đến lấy bò, nhưng do T không muốn gặp anh S nên T bảo Hiện (bạn của T) đến nhà anh S dắt con bò về khu vực thôn Bắc 2, xã H, huyện T. Khi H đến nhà anh S để lấy con bò thì anh S không đồng ý giao con bò cho H, nên T đã đến nhà anh S nhận con bò trước sự chứng kiến của nhiều người. Sau khi nhận con bò do không có chỗ bán nên T dắt con bò lên đồi cây bạch đàn thuộc thôn Bắc 2, xã H buộc con bò ở vườn bạch đàn rồi đi về nhà. Đến sáng ngày 15/6/2019, T đến khu vực vườn bạch đàn trên thì không thấy con bò đâu, nên T đi tìm và đến nhà anh Vũ Xuân H nhờ đi tìm. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T thấy con bò ở nhà ông Dương Ngọc U trú tại thôn Bắc 2, xã H, huyện T nên T xin ông U cho nhận lại con bò, nhưng ông U không đồng ý nên T gọi điện nhờ anh H đến nhà ông U để xin lại con bò. Khi anh H đến nhà ông U xin lại con bò cho T thì ông U đồng ý, sau T đưa cho ông U 200.000đ để cảm ơn rồi dắt con bò về nhà anh H. Tại đây T bán con bò trộm cắp được của ông T cho anh H được 13.500.000đ, sau đó cùng với số tiền 1.500.000đ có từ trước T đã tiêu xài như sau: Trả nợ cho anh Lê Anh Định trú tại xã H, huyện T 1.970.000đ; trả nợ cho anh Cao Văn H trú tại thôn H, xã K, huyện Vĩnh Tường 1.500.000đ; trả tiền hát tại quán Karaoke Victory của anh Nguyễn Thế H ở xã Đ, huyện L 1.200.000đ; trả tiền hát tại quán karaoke Điểm Hẹn ở xã A,

huyện T do anh Vũ Dương N (là quản lý) trú tại xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ 1.900.000đ; trả tiền hát tại quán karaoke Đ ở xã H, huyện T 2.500.000đ; đưa cho bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ T) 4.000.000đ còn lại 1.930.000đ T tiêu xài cá nhân hết nhưng không nhớ rõ cụ thể tiêu xài vào những việc gì.

Sau khi phát hiện bị mất con bò ông Hoàng Văn T đã tổ chức tìm kiếm nhưng không thấy nên ngày 15/6/2019, ông T đã đến Công an xã K trình báo sự việc, sau đó Công an xã K đã báo cáo Công an huyện Vĩnh Tường để điều tra giải quyết theo thẩm quyền.

Ngay sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã tiến hành các hoạt động điều tra theo quy định. Quá trình điều tra đã thu giữ tại hiện trường 01 đoạn dây chạc màu trắng chiều dài 2,98m, đường kính 0,8cm, một đầu dây có vết cắt mới, một đầu dây được buộc vào một thanh kim loại chiều dài 19cm, đường kính 0,8cm, một đầu thanh uốn cong, một đầu nhọn. Thu giữ tại nhà ông Trần Văn T (bố vợ anh H) 01 con bò cái lông màu vàng, trọng lượng 180kg mà T đã trộm cắp của ông T. Thu giữ của T 01 con dao dựa dài 38cm, bản dao rộng 5,8cm và thu giữ của bà Nguyễn Thị T 4.000.000đồng.

Ngày 17/6/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Vĩnh Tường đã ra yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Tường tiến hành định giá tài sản con bò mà T trộm cắp của ông T. Tại bản kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐ ĐG TTHS ngày 17/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Tường kết luận: Một con bò cái, lông màu vàng cao 1,23m, dài 1,94m có trọng lượng 180kg, bò sống khoẻ mạnh, ăn uống bình thường có tổng trị giá là 21.000.000đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã thông báo kết quả định giá tài sản cho Nguyễn Văn T và ông Hoàng Văn T biết, T và ông T đều đồng ý với bản kết luận định giá tài sản và không có ý kiến thắc mắc gì.

Ngày 18/6/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Vĩnh Tường đã tiến hành thực nghiệm điều tra, kết quả thực nghiệm Nguyễn Văn T đã diễn tả lại hành vi trộm cắp tài sản của ông Hoàng Văn T như đã nêu trên.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 62/CT-VKSVT ngày 13/9/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường truy tố Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và đề nghị xử lý tang vật theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Tường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như biên bản hỏi cung, lời khai của bị cáo, bản tự kiểm điểm, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường và tang vật đã thu được. Như vậy có đủ cơ sở kết luận khoảng 06 giờ ngày 14/6/2019, tại dệ đê Trung ương thuộc địa phận thôn Hoàng Trung, xã K, huyện Vĩnh Tường lợi dụng sơ hở không có ai trông giữ, Nguyễn Văn T đã trộm cắp được 01 con bò cái lông màu vàng, trọng lượng 180kg trị giá 21.000.000đ của gia đình ông Hoàng Văn T là hàng xóm với T. Sau khi trộm cắp được con bò của ông T T đem bán con bò cho anh Vũ Xuân H trú tại thôn Bắc 2, xã H, huyện T được 13.500.000đ, T đã tiêu sài cá nhân hết 9.500.000đ, đưa cho bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ T) 4.000.000đ. Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã thu giữ được con bò và trả lại cho gia đình ông T, nhận lại tài sản ông T không yêu cầu bồi thường gì. Ngoài ra còn thu giữ của bà Thân 4.000.000đ, T đã trả lại cho anh H 13.500.000đ do bán con bò trộm cắp của gia đình ông T mà có. Như vậy có đủ cơ

sở để kết luận bị cáo T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" được qui định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: "Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Xét tính chất vụ án thấy ít nghiêm trọng, động cơ phạm tội của bị cáo T là tham, tư lợi cho bản thân do không có tiền để chi tiêu nên đã bất chấp pháp luật để thực hiện phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo liều lĩnh táo bạo, trắng trợn đã lợi dụng sự sơ hở của ông T để lấy trộm 01 con bò cái trị giá 21.000.000đ của gia đình ông T. Như vậy bị cáo đã xâm hại quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy phải xử lý nghiêm minh đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có 01 tiền sự đã bị Công an huyện T xử phạt 1.100.000đ về hành vi Trộm cắp tài sản (đã nộp đủ tiền phạt), nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tham gia vào con đường phạm tội. Song tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã thu hồi và trả cho người bị hại. Mặt khác T đã trả tiền cho anh H và có nơi cư trú rõ ràng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do vậy chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng là cơ hội để bị cáo sửa chữa lỗi lầm, phấn đấu T công dân tốt có ích cho xã hội thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Tại phiên toà bị cáo T và bà Thân (mẹ T) khai bị cáo làm nghề tự do thu nhập không ổn định, lẽ ra phải phạt tiền đối với bị cáo nhưng xét thấy hiện nay bị cáo chưa có vợ ở chung với bố mẹ, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà ông Hoàng Văn T vắng mặt nhưng tại cơ quan điều tra ông T thừa nhận, sau khi sự việc xẩy ra ngày 18/6/2019 Cơ

quan điều tra đã trả cho gia đình ông 01 con bò cái lông màu vàng, cao 1,23m dài 1,94m trọng lượng 180kg nhận lại tài sản ông không có yêu cầu đề nghị gì.

[6]. Đối với anh Đào Văn S là người Nguyễn Văn T thuê chở con bò do T trộm cắp của ông T, quá trình điều tra xác định anh S không biết con bò T thuê chở là do T trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Vũ Xuân H là người cho T số điện thoại của anh Đào Văn S là người chở xe lôi, để T gọi điện liên lạc thuê anh S chở con bò T trộm cắp của ông T đồng thời cũng là người mua con bò do T trộm cắp được. Quá trình điều tra xác định anh H không biết mục đích của T là thuê xe lôi để trở còn bò trộm cắp, anh H cũng không biết con bò mua của T là do T trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường không đề cập xử lý là phù hợp. Ngoài ra Nguyễn Văn T đã bồi thường cho anh H 13.500.000đ, anh H đã nhận đủ số tiền này và không yêu cầu T phải bồi thường gì.

Đối với ông Dương Ngọc U là người đã dắt con bò do T trộm cắp được vào nhốt trong vườn nhà mình, quá trình điều tra xác định ông U thấy con bò trên đi lạc đến khu vực cổng nhà mình nên dắt vào nhốt trong vườn. Mục đích có ai đến xin lại thì trả ông U không biết con bò này do T trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với người nam giới tên Hiện là người T nhờ đến nhà anh S để lấy con bò, quá trình điều tra T khai chỉ biết Hiện người ở xã H, huyện T nhưng không biết tuổi, địa chỉ cụ thể ở đâu. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã rà soát, xác minh nhưng không xác định được người nam giới tên Hiện là ai, ở đâu nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

Đối với bà Nguyễn Thị T (mẹ của T) là người được T đưa cho số tiền 4.000.000đ là tiền do T bán con bò trộm cắp của ông T mà có. Quá trình điều tra xác định bà T không biết việc T trộm cắp con bò của ông T, cũng không biết đây là tiền do T phạm pháp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý. Tại phiên toà bà T đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho T số tiền trên nên chấp nhận là phù hợp.

[7]. Vật chứng của vụ án: Đối với con bò cái lông màu vàng, trọng lượng 180kg và 01 đoạn dây chạc màu trắng buộc vào một thanh kim loại là tài sản hợp

pháp của ông T. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã trả lại cho ông T, nhận lại tài sản ông T không có yêu cầu gì.

Đối với 01 con dao dựa là công cụ T sử dụng để cắt dây chạc buộc con bò của ông T không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

Đối với số tiền 4.000.000đ thu giữ của bà Thân là một phần tiền trong tổng số tiền 13.500.000đ do T bán con bò trộm cắp của ông T cho anh Vũ Xuân H mà có, nhưng trong quá trình điều tra T đã trả lại cho anh H số tiền trên nên anh H không yêu cầu đề nghị gì. Tại phiên toà Nguyễn Văn T đề nghị trả lại cho T 4.000.000đ, nên trả cho T nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 9.500.000đ Nguyễn Văn T bán con bò trộm cắp của ông T cho anh H mà có, sau đó sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường không thu hồi được, mặt khác T đã trả lại cho anh H 13.500.000đ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường không đề cập xử lý.

Đối với chiếc điện thoại Nokia gắn sim thuê bao 0355.610.617 Nguyễn Văn T sử dụng để gọi điện thuê anh S chở con bò mà T trộm cắp của ông T. Quá trình điều tra T khai đã làm mất chiếc điện thoại này nhưng không nhớ ở đâu do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Vĩnh Tường không thu hồi được nên không có căn cứ để xử lý.

[8]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 03 (ba) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại cho Nguyễn Văn T 4.000.000đ (bốn triệu đồng) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu huỷ 01 con dao dựa dài 38cm bản dao rộng 5,8cm là công cụ Nguyễn Văn T sử dụng để cắt dây chạc buộc con bò của ông T (theo biên bản giao vật chứng, tài sản ngày 15/9//2019 giữa Công an huyện Vĩnh Tường và Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Hoàng Văn T, anh Vũ Xuân H, anh Đào Văn S vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã K;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Bị cáo T; người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Minh Bình